TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 09/9/2025
"V/v Tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Triều;

2/ Ông Trần Quốc Bảo;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lý Ngọc Thuý Vy - Thư ký Tòa án dân khu vực 3 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Việt Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 và ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2023/TLST - DS, ngày 23 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2025/QĐST-DS, ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa;

1. Nguyên đơn: Nguyễn Công V (Văn G2), sinh năm 1969 - có mặt

Địa chỉ: số E ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Lê Thị Hồng C, sinh năm 1994 (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2023). Có mặt.

Địa chỉ: ấp Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 - vắng mặt

Địa chỉ: tổ A, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long).

2.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 - vắng mặt

Địa chỉ: tổ A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là tổ A, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

2.3. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1978 - vắng mặt

Địa chỉ: Tổ A, ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là tổ A, ấp D, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn C1 (T2), sinh năm 1955 - vắng mặt

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm T B, phường B, tỉnh Vĩnh Long).

3.2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 - xin vắng

Địa chỉ: khóm E, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm E, phường B, tỉnh Vĩnh Long).

3.3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H gồm có:

+ Bà Đặng Thị Tuyết M, sinh năm 1970 (vợ) - vắng mặt

+ Nguyễn Hoài P, sinh năm 1993 (con) - vắng mặt

+ Nguyễn Hoài T1, sinh năm 2000 (con) - vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long).

3.4. Bà Nguyễn Thị G1, sinh năm 1954 (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị G1 gồm có:

+ Ông Bùi Văn B, sinh năm 1955 (chồng) - vắng mặt

+ Bùi Mỹ P1, sinh năm 1981 (con) - vắng mặt

+ Bùi Thanh V1, sinh năm 1986 (con) - vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm T B, phường B, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2023 và đơn khởi kiện bổ sung, Nguyên đơn ông Nguyễn Công V (Nguyễn Văn G2) có nội dung:*

Cha và mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1929 (chết 1980) và cụ Lưu Thị D1 sinh năm 1932 (chết 2020) có 08 người con: Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Công V (G), Nguyễn Văn H (chết 2001), Nguyễn Thị G1 (chết 2021), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị G.

Ông Nguyễn Công V (Giọng) là con trai trưởng trong gia đình ở chung với cha mẹ già chăm sóc ba mẹ già lúc đau yếu, thờ cúng ông bà, hằng năm theo phong tục. Sau khi mẹ ông chết có để lại 02 thửa đất:

+ Thửa đất số 2269, tờ bản đồ số 04, diện tích 62,5m^2 đất tọa lạc tại ấp T, xã T, Thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm T, phường B, tỉnh Vĩnh Long*)* do bà Lưu Thị D1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AP 784086, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 67824 do Ủy Ban nhân dân huyện B (thị xã B) cấp 03/07/2009.

+ Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 20, diện tích 3.142,7m^2 đất tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm T B, phường B, tỉnh Vĩnh Long*)* do bà Lưu Thị D1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BE 173518, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 606542 do Ủy Ban nhân dân huyện B cấp 22/03/2011.

Trước khi bà D1 chết có nói cho Nguyễn Văn H diện tích 1.500m^2 đất thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 20 nhưng chưa sang tên tách thửa, sau khi ông H chết, vợ ông H là bà Đặng Thị Tuyết M có chuyển nhượng lại cho ông V diện tích 1.500m^2 với giá 25 chỉ vàng 24K *(có viết giấy tay mua bán ngày 25/12/2001)* nhưng vẫn chưa làm thủ tục sang tên tách thửa, hiện tại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vẫn còn bà Lưu Thị D1 đứng tên, ông V đang quản lý sử dụng trọn thửa đất 149. Sau khi bà D1 chết, ông có đem giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và Tờ Di chúc do bà D1 lập vào ngày 21/08/2012 để làm văn bản khai nhận di sản theo di chúc đối với thửa 149 thì 03 người em của ông là Nguyễn Thị L; Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị G, ngăn cản. Sự việc ông có trình báo đến ủy Ban nhân dân xã T và lập biên bản hòa giải không thành ngày 14/08/2023 và ngày 24/08/2023.

Ông Nguyễn Công V khởi kiện yêu cầu công nhận phần đất thửa đất số 149, tờ bản đồ số 20, loại đất chuyên trồng lúa nước theo diện tích đo đạc thực tế là 3.168,2m^2 tọa lạc tại ấp T, Xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do bà Lưu Thị D1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Tờ di chúc lập vào ngày 21/08/2012 tại Phòng C2 tỉnh Vĩnh Long cho ông V được quyền đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đối với thửa đất số 2269, tờ bản đồ số 04, diện tích 62,5m^2 đất tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị G vắng mặt, không cung cấp văn bản ký kiến về các vấn đề nguyên đơn yêu cầu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2024 ông Nguyễn Văn D khai: Cha và mẹ ông là: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1929 (chết 1980) và bà Lưu Thị D1 sinh năm 1932 (chết 2020) ông bà có 08 người con: Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn H (chết 2001), Nguyễn Thị G1

(chết 2021), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị G.

Sau khi ông D có gia đình thì cha và mẹ ông đã cho ông 1.500m^2 đất xong, cho anh T2 diện tích 1.500m^2 đất xong, cho ông H diện tích 1.500m^2 đất, trong đó có cho V. Theo ông D, sau khi ông Đ và bà D1 chết thì ông D là người thờ cúng ông Đ, còn ông V là người thờ cúng bà D2. Đối với yêu cầu của ông V thì ông D không có ý kiến, không có yêu cầu độc lập và xin vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Văn C1 vắng mặt, không cung cấp văn bản ý kiến.

3/ Ông Nguyễn Văn H (chết); hàng kế thừa quyền và nghĩa tố tụng của ông H gồm có: Vợ là bà Đặng Thị Tuyết M cùng 02 người con: Nguyễn Hoài P và Nguyễn Hoài T1 vắng mặt, không cung cấp văn bản ý kiến.

4/ Bà Nguyễn Thị G1 (chết); hàng kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà G1 có: Chồng là ông Bùi Văn B cùng 02 người con là Bùi Mỹ P1 và Bùi Thanh V1 vắng mặt, không cung cấp văn bản ý kiến.

Tại phiên Tòa, người đại diện của nguyên đơn, chị Lê Thị Hồng C trình bày:

Xin rút lại yêu cầu công nhận diện tích 1.503,4m^2 thuộc tách 149-1 cho ông V đối với phần ông đã nhận chuyển nhượng từ vợ ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Đặng Thị Tuyết M theo giấy tay ngày 25/12/2001 với giá là 25 chỉ vàng 24K, do chưa tìm được bản chính giấy tay mua bán đất và giấy tờ giao nhận vàng nên xin rút lại yêu cầu. Giữ nguyên yêu cầu công nhận cho ông V được quyền sử dụng thửa số 149-2, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.664,8m^2 đất lúa, tọa lạc tại khóm T B, phường B, tỉnh Vĩnh Long theo tờ đi chúc lập ngày 21/8/2012. Ông V thống nhất với ý kiến xin rút lại yêu cầu như người đại diện ủy quyền trình bày.

Phát biểu của vị Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long tại Tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thấy rằng, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ ngày 14/5/2025, phiên tòa ngày 8/8/2025 và ngày 29/8/2025 là chưa chấp hành đúng quy của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua phân tích, đánh giá toàn bộ các tình tiết, chứng cứ, nội dung đơn khởi kiện, đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công V.

Công nhận di chúc do bà Lưu Thị D1 lập ngày 21/08/2012 tại Phòng C2, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận quyền sử dụng đất thuộc tách thửa số 149-2, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.664,8m^2 gồm các mốc 3, 4, a, b, 3 tọa lạc tại khóm T, phường B, tỉnh Vĩnh Long cho ông Nguyễn Công V. Ông V được quyền quản lý, sử dụng phần khu mộ và cây trồng tại tách thửa 149-2. Ông V có trách nhiệm quản lý, sử dụng phần di sản để thực hiện vào việc thờ cúng.

Tạm giao quyền quản lý, sử dụng tách thửa số 149-1, diện tích 1.503,4m^2 gồm các mốc 1, 2, a, b, 1 tọa lạc tại khóm T B, phường B, tỉnh Vĩnh Long cùng với các cây trồng trên đất.

Ông V được quyền đi đăng ký, kê khai tại cơ quan chuyên môn đối với tách thửa số 149-2, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.664,8m^2 gồm các mốc 3, 4, a, b, 3 tọa lạc tại khóm T, phường B, tỉnh Vĩnh Long theo Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 27/8/2025.

2. Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích thuộc tách thửa 149-1, tờ bản đồ đồ số 20, diện tích 1.503,4m^2 tọa lạc tại khóm T, phường B, tỉnh Vĩnh Long theo Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 27/8/2025.

3. Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản, thẩm định tại chổ: Ông V phải chịu số tiền 3.554.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc ông V chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Nguyễn Văn D có yêu cầu xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

- Xét việc, bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn C1 và hàng kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của: Ông Nguyễn Văn H gồm có: Đặng Thị Tuyết M, Nguyễn Hoài P, Nguyễn Hoài T1; hàng kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị G1 gồm có: Bùi Văn B, Bùi Mỹ P1 và Bùi Thanh V1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung và hình thức tờ di chúc:

- Di chúc được lập thành văn bản ghi rõ ngày tháng năm lập di chúc, họ tên của người lập di chúc, người được hưởng di sản; di sản để lại và nơi có di sản, được công chứng tại Phòng C2, tỉnh Vĩnh Long, có chữ ký, điểm chỉ của bà D1 và chữ ký của người làm chứng là đảm bảo về mặt hình thức của di chúc theo quy định tại Điều 649, Điều 652, Điều 653, Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005.

Như vậy, Tờ di chúc của bà Lưu Thị D1 lập ngày 21/8/2012 đảm bảo về hình thức và nội dung nên được công nhận hợp pháp.

- Do các đương sự không có yêu cầu về thời hiệu nên không áp dụng thời hiệu thừa kế theo quy định tại Điều 623 BLDS năm 2015.

[3] Về nguồn gốc đất:

- Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 20, diện tích theo giấy là 3.142,7m^2 đất lúa, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long*)* do bà Lưu Thị D1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BE 173518, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 606542 do Ủy Ban nhân dân huyện B cấp 22/03/2011, có nguồn gốc của bà Lưu Thị D1 và ông Nguyễn Văn Đ.

- Xét thấy, vợ chồng cụ Nguyễn Văn Đ (chết 1980) và cụ Lưu Thị D1 (chết 2020) có 08 người con gồm: Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Công V, Nguyễn Văn H (chết 2001), Nguyễn Thị G1 (chết 2021), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị G.

Trước khi chết cụ D1 chết, có lập tờ di chúc ngày 21/8/2012, nội dung di chúc thể hiện ý chí của bà D1 là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2669 và thửa đất số 149. Đối với thửa đất số 149 bà D1 có di nguyện cho ông Nguyễn Văn H 1,5 công đất và cho ông V thừa kế 1.642,7m^2 với điều kiện ông V không được chuyển nhượng, sang bán do đây là phần đất hương hỏa. Thực tế việc hưởng di sản theo di nguyện chưa quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng đã được ghi nhận tại Điều 257 Bộ luật dân sự năm 2015, nội dung di chúc không trái với quy định pháp luật, không vi phạm điều cấm nên nội dung di chúc là phù hợp. Xét thấy, di chúc thể hiện ý chí của bà D1 để lại cho ông V phần diện tích 1.642,7m^2 thuộc thửa 149 trong đó có phần khu mộ để thực hiện việc thờ cúng và hưởng huê lợi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Công V về việc yêu cầu: Công nhận thửa đất số 149, tờ bản đồ số 20, diện tích 3.142,7m^2 đất lúa (diện tích đo đạc thực tế 3.168,2m^2), do bà Lưu Thị Diễm đứng T3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản của bà D1 chết để lại cho ông Nguyễn Công V theo tờ di chúc lập ngày 21/08/2012 tại Phòng công chứng số B tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ thửa đất: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long*)* và công nhận cho ông V được quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất thuộc tách thửa số 149-2, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.664,8m^2 gồm (các mốc 3, 4, a, b và 3) tọa lạc tại khóm T, phường B, tỉnh Vĩnh Long, ông Nguyễn Công V được quyền sử dụng các cây trồng trên thửa 149-2. Ông V có trách nhiệm quản lý, sử dụng phần di sản để thực hiện vào việc thờ cúng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công V.

Công nhận di chúc do bà Lưu Thị D1 lập ngày 21/08/2012 được Phòng C2, tỉnh Vĩnh Long chứng thực số 293, Quyển số: 01/TPCC/SCC-HDGĐ. Công nhận cho ông Nguyễn Công V được quyền sử dụng đất thuộc tách thửa 149-2, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.664,8m^2 đất lúa (gồm các mốc 3, 4, a, b, 3) đất tọa

khóm K, phường B, tỉnh Vĩnh Long và được quyền sử dụng các loại cây trồng trên thửa 149-2.

Ông Nguyễn Công V được quyền đi đăng ký, kê khai tại cơ quan chuyên môn đối với tách thửa 149-2, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.664,8m^2 theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 27/8/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện xin rút lại một phần yêu cầu công nhận tách thửa 149-1, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.503,4m^2 loại đất lúa theo tờ giấy tay mua bán đất ngày 25/12/2001 giữa ông Nguyễn Công V với bà Đặng Thị Tuyết M (vợ ông Nguyễn Văn H) do chưa có đủ tài liệu chứng cứ như: Giấy tờ giao nhận vàng, giấy tay mua bán bản gốc,….

Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với diện tích 1.503,4m^2 thuộc tách thửa 149-1, tờ bản đồ số 20. Ông Nguyễn Công V có quyền khởi kiện một vụ án khác liên quan đến việc yêu cầu công hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Tạm giao quyền quản lý, sử dụng tách thửa 149-1, diện tích 1.503,4m^2 đất lúa (gồm các mốc 1, 2, a, b, 1) tọa lạc khóm T B, phường B, tỉnh Vĩnh Long cùng với các cây trồng trên đất.

[5] Về chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ: 3.554.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn đồng). Buộc ông V phải chịu số tiền 3.554.000 đồng, đã nộp đủ.

[6] Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Công V nộp án phí 300.000 đồng; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.239.000 đồng, theo biên lai thu số 0000297, ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục THADS thị xã B (nay là Phòng THADS khu vực 3 - Vĩnh Long). Hoàn trả lại ông V số tiền 10.939.000 đồng.

[7] Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Điều 265 Luật đất đai năm 2024; Các Điều 646, 648, 649, 652, 653, 657, 658, 667 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 645 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công V (Nguyễn Văn G2).

Công nhận di chúc do bà Lưu Thị D1 lập ngày 21/08/2012 được Phòng C2, tỉnh Vĩnh Long chứng thực số 293, Quyển số: 01/TPCC/SCC-HDGĐ. Công nhận cho ông Nguyễn Công V được quyền sử dụng đất thuộc tách thửa 149-2, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.664,8m^2 đất lúa (gồm các mốc 3, 4, a, b và 3) đất tọa lạc khóm T B, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Công V được quyền đi đăng ký, kê khai tại cơ quan chuyên môn đối với tách thửa 149-2, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.664,8m^2 theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 27/8/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất.

(Kèm theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 27/8/2025 của Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Vĩnh Long + Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 13/3/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh V).

Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với diện tích 1.503,4m^2 thuộc tách thửa 149-1, tờ bản đồ số 20. Ông Nguyễn Công V có quyền khởi kiện một vụ án khác liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc tách thửa 149-1, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.503,4m^2 theo quy định pháp luật. Tạm giao quyền quản lý, sử dụng tách thửa 149-1, diện tích 1.503,4m^2 đất lúa (gồm các mốc 1, 2, a, b và 1) đất tọa lạc khóm T B, phường B, tỉnh Vĩnh Long cùng với các cây trồng trên đất.

2. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ: 3.554.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn đồng). Buộc ông V phải chịu số tiền 3.554.000 đồng, đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Công V nộp án phí 300.000 đồng; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.239.000 đồng theo biên lai thu số 0000297, ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục THADS thị xã B (nay là Phòng THADS khu vực 3 - Vĩnh Long). Hoàn trả lại ông Nguyễn Công V số tiền: 10.939.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 3 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 3 - Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Thiết